

Số: 33/2021/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

(V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 28/2021/BB-HĐQT ngày 20/10/2021.

QUYẾT NGHỊ:

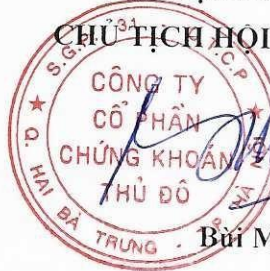
- Điều 1.** Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô. Bản Quy chế này thay thế cho bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 09/2/2021 của Hội Đồng Quản Trị và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố thông tin theo quy định;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Minh Kết

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

(Ban hành theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-IIDQT ngày 20/10/2021 của Hội đồng quản trị)

**CHƯƠNG I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm Vi Điều Chỉnh Và Đối Tượng Áp Dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (sau đây gọi chung là “**Quy chế**”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị và các Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và các quy định hiện hành khác của Pháp Luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các Thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 2. Các Định Nghĩa

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) “**Cổ Đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- b) “**Cổ Đông Lớn**” là Cổ Đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
- c) “**Công Ty**” là Công Ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô;
- d) “**Điều Lệ**” là Điều lệ Công Ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2021;
- e) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng Khoán đã được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các sửa đổi bổ sung (nếu có);
- f) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, và các sửa đổi bổ sung (nếu có);
- g) “**Người Có Liên Quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Luật Chứng Khoán;
- h) “**Người Điều Hành Công Ty**” bao gồm Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi Nhánh, Kế Toán Trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý có thẩm quyền nhân danh Công Ty ký kết giao dịch của Công Ty theo quy định tại Điều Lệ này;
- i) “**Ngày Thành Lập**” là ngày 21 tháng 12 năm 2006 theo Giấy Phép Hoạt Động Kinh Doanh Chứng Khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do UBCK cấp;
- j) “**Pháp Luật**” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1, Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đã được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật ngày 18 tháng 06 năm 2020, và các sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;
- k) “**UBCK**” là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- l) “**Việt Nam**” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- m) “**Vốn Điều Lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại, trong đó cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các Cổ Đông thanh toán đủ cho Công Ty.
 - n) “**Vốn Có Quyền Biểu Quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều Lệ Công Ty.

Điều 3. Trách Nhiệm Pháp Lý Của Hội Đồng Quản Trị

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

Điều 4. Nguyên Tắc Hoạt Động Của Hội Đồng Quản Trị

- 1. Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước Pháp Luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với sự phát triển của Công Ty.
- 2. Hội Đồng Quản Trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG II:
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền Và Trách Nhiệm Của Thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật liên quan và Điều Lệ Công Ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật Chứng Khoán.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ Đông và của Công Ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội Đồng Quản Trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Thành viên Hội Đồng Quản Trị và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó Thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của Pháp Luật.
3. Quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công Ty

Điều 6. Nhiệm Kỳ Và Số Lượng Thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều Lệ Công Ty quy định cụ thể số lượng Thành viên Hội Đồng Quản Trị.
2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều Lệ Công Ty quy định.
3. Trường hợp tất cả Thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là Thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty có quy định khác.
4. Điều Lệ Công Ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 7. Tiêu Chuẩn Và Điều Kiện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - c) Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

- d) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty; không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - e) Các thành viên Hội Đồng Quản Trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
 - (i) Nhận được sự tin tưởng của các Cổ Đông (phản ánh qua việc các Cổ Đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội Đồng Quản Trị, người quản lý và nhân viên của Công Ty;
 - (ii) Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - (iii) Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công Ty một cách hiệu quả;
 - (iv) Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - (v) Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.
 - f) Điều kiện và tiêu chuẩn khác do Công Ty quy định phù hợp với Pháp Luật hiện hành.
2. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp Pháp Luật về chứng khoán có quy định khác:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ Đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát hoặc Ủy Ban Kiểm Toán của Công Ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có liên quan.

Điều 8. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- 1. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các Thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám Đốc, trừ trường hợp được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm chức Tổng Giám

- Độc điều hành phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.
3. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.
 4. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp không có người được ủy quyền Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số.
 5. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định tuyển dụng Thư Ký Công Ty để hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị và Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Thư Ký Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ Thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - d) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông;
 - e) Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.
 6. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 9. Bãi Nhiệm, Miễn Nhiệm Và Bổ Sung Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức;
 - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội Đồng Quản Trị;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.
2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung Thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế Thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 10. Cách Thức Bầu, Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.
- 2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định Pháp Luật.
- 3. Trường hợp Điều Lệ Công Ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.
- 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông Báo Về Bầu, Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty chứng khoán phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm Thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;



- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.
2. Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội Đồng Quản Trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội Đồng Quản Trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
 - f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Luật Doanh Nghiệp;
 - g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp Luật;
 - h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, nếu Điều Lệ Công Ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp;
 - j) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - k) Quyết định các vấn đề liên quan đến tài sản¹ có giá trị lớn hơn 10 tỷ đồng.
 - l) Quyết định các khoản chi phí khác của Công Ty có giá trị trên 10 tỷ đồng/lần chi;
 - m) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều Lệ Công Ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - n) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
 - o) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập

¹ Các vấn đề liên quan đến tài sản bao gồm các phương án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định; đổi mới thiết bị công nghệ; thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp.. tài sản cố định của Công ty

- họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
- r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - s) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
 - u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.
3. Hội Đồng Quản Trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị quy định tại khoản 2 Điều này.
 4. Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty quy định. Mỗi Thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
 5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của Pháp Luật hoặc nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 13. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

1. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra.
2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám Đốc, trừ trường hợp được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm chức Tổng Giám Đốc điều hành phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.
3. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - e) Chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, ký thay mặt Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các nghị quyết đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - f) Đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Khối; Giám đốc công ty con; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm trực thuộc Khối; Giám đốc/Phó Giám đốc Phòng Kiểm toán Nội bộ; Giám đốc, Phó Giám đốc Phòng Quản trị Rủi ro; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó;
 - h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn góp, số cổ phần sở hữu của Công Ty tại các tổ chức khác;

- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, nếu Điều Lệ Công Ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp;
 - j) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 25% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc cùng với 01 thành viên Hội Đồng Quản Trị quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị đến 30% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
 - k) Quyết định các vấn đề liên quan đến tài sản² có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 5 tỷ đồng hoặc cùng với 01 thành viên Hội Đồng Quản Trị quyết định các vấn đề liên quan đến tài sản có giá trị đến 10 tỷ đồng;
 - l) Quyết định các khoản tạm ứng nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên của Công Ty có giá trị từ 500 triệu đồng đến 5 tỷ đồng/lần tạm ứng hoặc cùng với 01 thành viên Hội Đồng Quản Trị quyết định các khoản tạm ứng nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên của Công Ty có giá trị từ 5 tỷ đồng/lần tạm ứng trở lên;
 - m) Quyết định các khoản chi phí khác của Công Ty có giá trị từ 500 triệu đồng đến 5 tỷ đồng/lần chi hoặc cùng với 01 thành viên Hội Đồng Quản Trị quyết định các khoản chi phí khác của Công Ty có giá trị đến 10 tỷ đồng/lần chi;
 - n) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại Hội Đồng Cổ Đông phân công, phân cấp, giao cho theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ và các quy định Pháp Luật có liên quan.
4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị quy định tại khoản 3 Điều này.
5. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 thành viên Hội Đồng Quản Trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 14. Quyền Được Cung Cấp Thông Tin Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Tổng Giám Đốc, người quản lý các đơn vị trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều Lệ Công Ty quy định.

² Các vấn đề liên quan đến tài sản bao gồm các phương án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định; đổi mới thiết bị công nghệ; thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp.. tài sản cố định của Công ty

Điều 15. Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Hội Đồng Quản Trị Trong Việc Phê Duyệt, Ký Kết Hợp Đồng Giao Dịch

1. Hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều Lệ Công Ty giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị chấp thuận:
 - a) Cổ Đông, người đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những Người Có Liên Quan của họ;
 - b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.
2. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo các Thành viên Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Điều 16. Trách Nhiệm Của Hội Đồng Quản Trị Trong Việc Triệu Tập Hợp Bất Thường Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập hợp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - b) Số Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát hoặc Ủy ban kiểm toán còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp Luật;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.
2. Trường hợp Điều Lệ Công Ty không quy định khác, thì Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số Thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và các Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.
3. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
 - a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến
 - f) của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
 - g) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - h) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

i) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 17. Các Tiểu Ban Giúp Việc Hội Đồng Quản Trị

Trong từng thời kỳ, Hội Đồng Quản Trị có thể thiết lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội Đồng Quản Trị.

**CHƯƠNG IV:
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 18. Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị

1. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
2. Hội Đồng Quản Trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 Thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d) Các trường hợp khác do Điều Lệ Công Ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

5. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều Lệ Công Ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm Soát như đối với các Thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số Thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:



- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số Thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

Điều 19. Biên Bản Họp Hội Đồng Quản Trị

1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

2. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 20. Trình Báo Cáo Hàng Năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty.
2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Điều Lệ Công Ty không có quy định khác.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của Công Ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Điều Lệ Công Ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 21. Thù Lao, Tiền Lương Và Lợi Ích Khác Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Công Ty có quyền trả thù lao cho Thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Trường hợp Điều Lệ Công Ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của Thành viên Hội Đồng Quản Trị được trả theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
3. Thù lao của từng Thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 22. Công Khai Các Lợi Ích Liên Quan

Trường hợp Điều Lệ Công Ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai hóa lợi ích và Người Có Liên Quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công Ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

CHƯƠNG VI:
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối Quan Hệ Giữa Các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Quan hệ giữa các Thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà Thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì Thành viên Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các Thành viên Hội Đồng Quản Trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các Thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các Thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối Quan Hệ Với Ban Điều Hành

Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết.

Điều 25. Mối Quan Hệ Với Ban Kiểm Soát

1. Mối quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VII:
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

Điều 26. Hiệu Lực Của Quy Chế

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021 và thay thế cho bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 09/2/2021 của Hội Đồng Quản Trị và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Điều Lệ Công Ty, các quy định khác của Công Ty và Pháp Luật có liên quan. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Công Ty thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.

Điều 27. Điều Khoản Thi Hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
2. Các Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Minh Kết

